

UBND TỈNH ĐẮK LẮK  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2136 /STC-QLG&CS

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 9 năm 2018

V/v lấy ý kiến góp ý Dự thảo Nghị quyết  
của HĐND tỉnh quy định về giá sản  
phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa  
bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi tỉnh Đắk Lắk;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 2, điều 35 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 3 Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6112/UBND-KT ngày 24/7/2018 V/v sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Theo đề nghị của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện rà soát danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; sau khi có ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2422/SNN-TL ngày 18/9/2018; trên cơ sở Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán khối lượng, kinh phí thực hiện hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2017; Sở Tài chính đã Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020. Dự thảo được đăng tại Trang thông tin điện tử Sở Tài chính theo đường dẫn: <http://sotaichinh.daklak.gov.vn> **Góp ý dự thảo** và Cổng thông tin điện tử của tỉnh Đắk Lắk.

Để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trước khi đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết theo quy định. Sở Tài chính đề nghị quý Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột; các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến góp ý với dự thảo và gửi về Sở Tài chính Đắk Lắk trước ngày 21/10/2018. Nếu sau ngày 21/10/2018 các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị không gửi ý kiến tham gia góp

ý vào Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nêu trên thì coi như là đồng ý với toàn văn Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020.

**Đề nghị Ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk** đăng tải dự thảo này trên Cổng thông tin điện tử của mình để các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị góp ý kiến theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan, đơn vị. /s/

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/cáo);
- BGD Sở TC;
- Phòng TH - Tê (Để phối hợp, đăng tin);
- Lưu VT, QL&CS (Tp 30 bản).

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Đinh Xuân Diệu**

Số: /2018/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng 9 năm 2018

**Dự thảo lần 2**

## **NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa  
bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ BẢY.**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BT ngày 30 tháng 6 năm /2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020.*

*Xét Tờ trình số . . . . /TTr-UBND ngày . . . tháng .... năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 -2020.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: trong đó:

a) Đối tượng trả tiền dịch vụ: Các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

b) Đối tượng thu tiền dịch vụ: Các chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi.

**Điều 2.** Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 -2020

1. Đối với đất trồng lúa

| TT | Biện pháp công trình                                  | Mức thu<br>(1.000 đồng/ha/vụ) |
|----|-------------------------------------------------------|-------------------------------|
|    | - Tưới tiêu bằng động lực                             | 1.629                         |
|    | - Tưới tiêu bằng trọng lực                            | 1.140                         |
|    | - Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ | 1.385                         |

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần (*Diện tích tưới, tiêu chủ động một phần là diện tích được công trình đưa nước vào hoặc tháo nước ra từ cống đầu kênh nhưng còn thất thường, hộ dùng nước còn phải bơm, tát trong vụ sản xuất*) thì thu bằng 60% mức thu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì thu bằng 40% mức thu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì thu bằng 50% mức thu trên.

d) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì mức thu được tính tăng thêm 20% mức thu trên.

e) Trường hợp phải tách riêng mức thu cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức thu cho tưới bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức thu trên.

2. Đối với đất trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức thu bằng 40% mức thu dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

3. Giá quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 Điều này áp dụng đối với từng biện pháp tưới tiêu và được tính ở vị trí cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi.

4. Giá cấp nước để nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

| TT | Các đối tượng dùng nước                                                      | Đơn vị                            | Mức hỗ trợ theo các biện pháp công trình |                   |
|----|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|-------------------|
|    |                                                                              |                                   | Bơm điện                                 | Hồ đập, kênh cống |
| 1  | Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu | đồng/m <sup>3</sup>               | 1.020                                    | 840               |
| 2  | Cấp nước để nuôi trồng thủy sản                                              | đồng/m <sup>3</sup>               | 840                                      | 600               |
|    |                                                                              | đồng/m <sup>2</sup> mặt thoát/năm | 250                                      |                   |

Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m<sup>3</sup>) thì tính theo diện tích (ha), mức hỗ trợ kinh phí bằng 80% mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

5. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Nghị quyết này là giá không có thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

**Điều 3.** Quản lý và sử dụng tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Khi thu tiền cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, các đơn vị lập sử dụng hóa đơn cung ứng dịch vụ thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

2. Nguồn thu từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật phần còn lại được để lại đơn vị sử dụng theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khoá IX, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2018.

Đối với những sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được cung ứng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 thì thực hiện mức giá theo Nghị định số 62/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Cung ứng từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện mức giá theo quy định tại Quyết định số 1050a/QĐ-BT ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 – 2020./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản QPPL*);
- Bộ Tài chính (*Vụ Pháp chế*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;

**CHỦ TỊCH**

**Y Biêr Niê**

- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, .....

UBND TỈNH ĐẮK LẮK  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 2422 /SNN-TL

V/v rà soát danh mục sản phẩm,  
dịch vụ công ích thủy lợi trên địa  
bàn tỉnh Đắk Lắk.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 9 năm 2018

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 1736/STC-QLG&CS ngày 08/8/2018 của Sở Tài chính về việc rà soát danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Sau khi triển khai đến các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức rà soát danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp thông tin, rà soát của các địa phương, đơn vị liên quan cung cấp, nghiên cứu các văn bản liên và có ý kiến như sau:

1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk do các địa phương, đơn vị quản lý, khai thác cung cấp nước, bao gồm:

- Đất trồng lúa;
- Đất trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày;
- Đất trồng cây công nghiệp dài ngày;
- Nuôi trồng thủy sản.

2. Về việc xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phát sinh so với danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh:

Tại Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh, không quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Cấp nước để nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu. Tuy nhiên tại Khoản 4, Điều 4, Nghị định số 62/2018/NĐ-CP ngày 02/5/2018 đã quy định về hỗ trợ cho 02 (hai) sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi nêu trên và các đơn vị quản lý, khai thác đã được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán khối lượng, kinh phí thực hiện hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2017 tại Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 18/6/2018.

Vì vậy, không có danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phát sinh phải xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Điều 9, Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Sở Tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VT (Kh 5b).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Trọng Dũng

